

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinhomes

Ngày 30/09/2025	5,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.5%	10.6%	-

DT thuần Q3/25
7.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.04 389%
YoY: ▼44.9 -85.5%

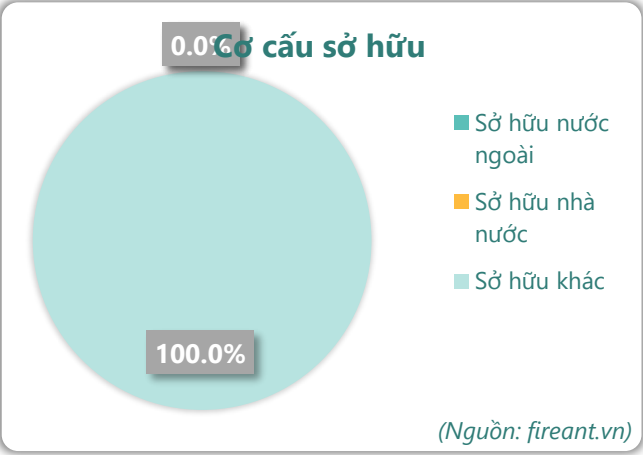
LN thuần Q3/25
-21.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.6 32.6%
YoY: ▲ 29.4 57.3%

LN sau thuế Q3/25
-22.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.7 32.4%
YoY: ▲ 28.8 56.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-7.0%
YoY: +/-▲ 1106%

ROE (TTM) Q3/25
-202%
YoY: +/-▼ 54.0%

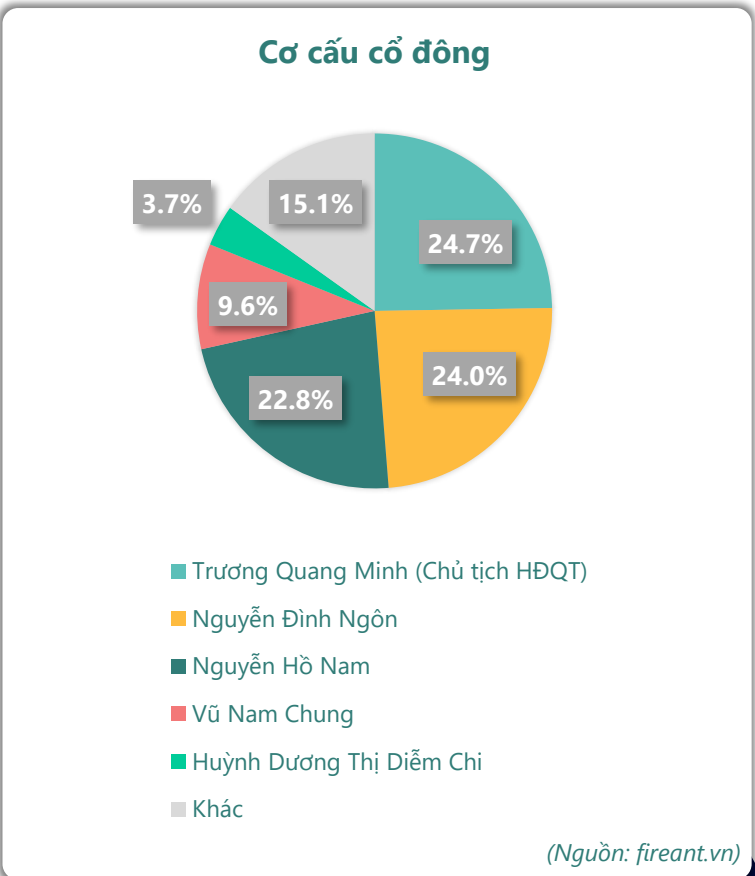
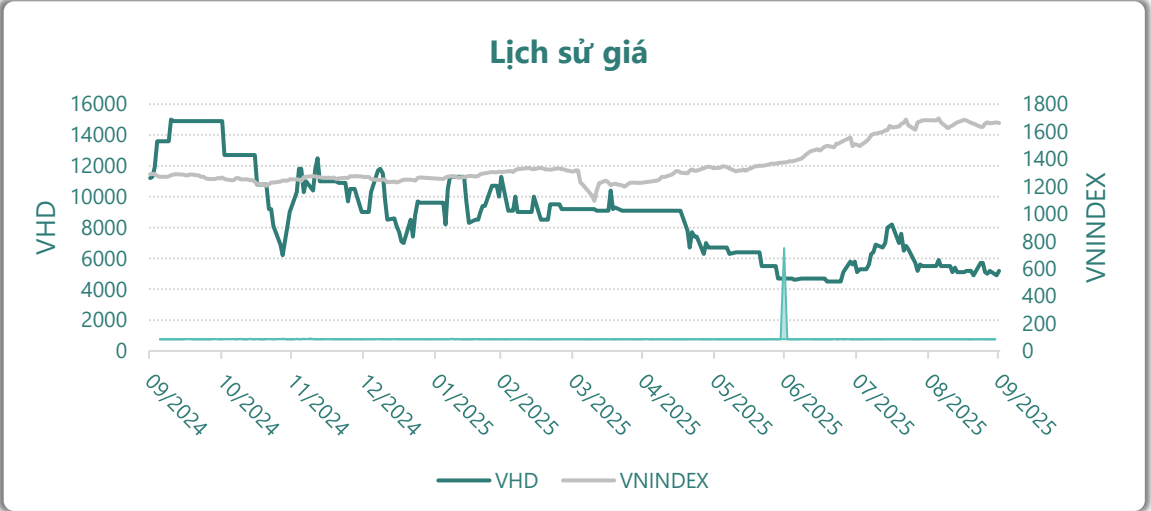
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,500 - 15,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	198
Số lượng CPLH (CP)	38,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,690
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.01
EPS	-2,535
P/E	-2.1



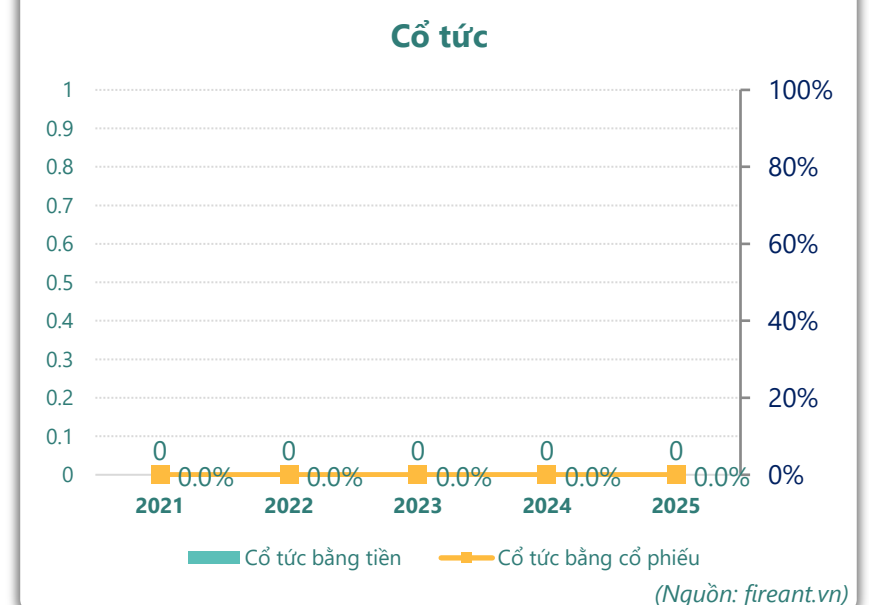
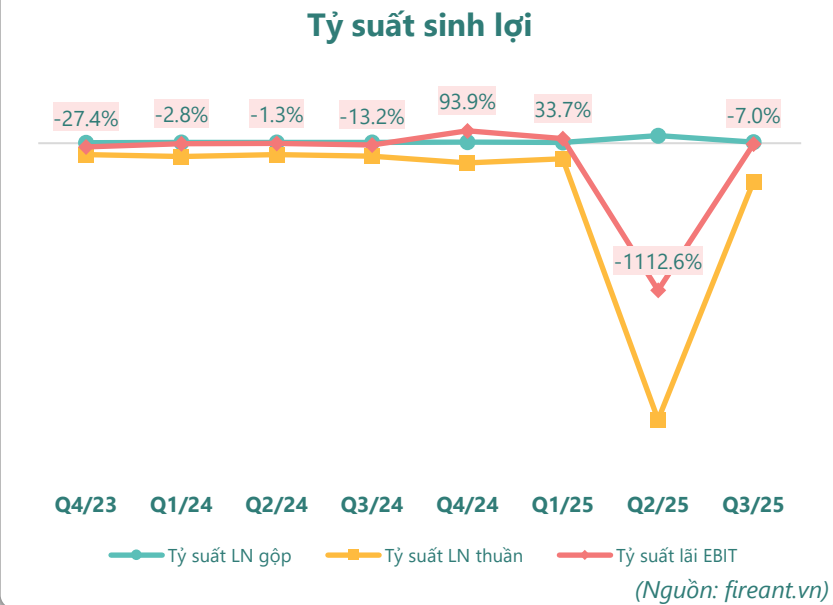
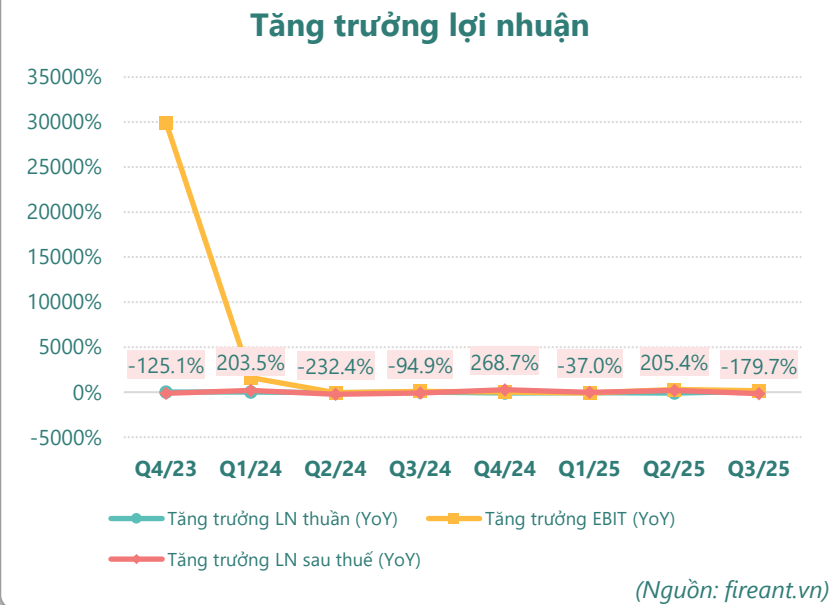
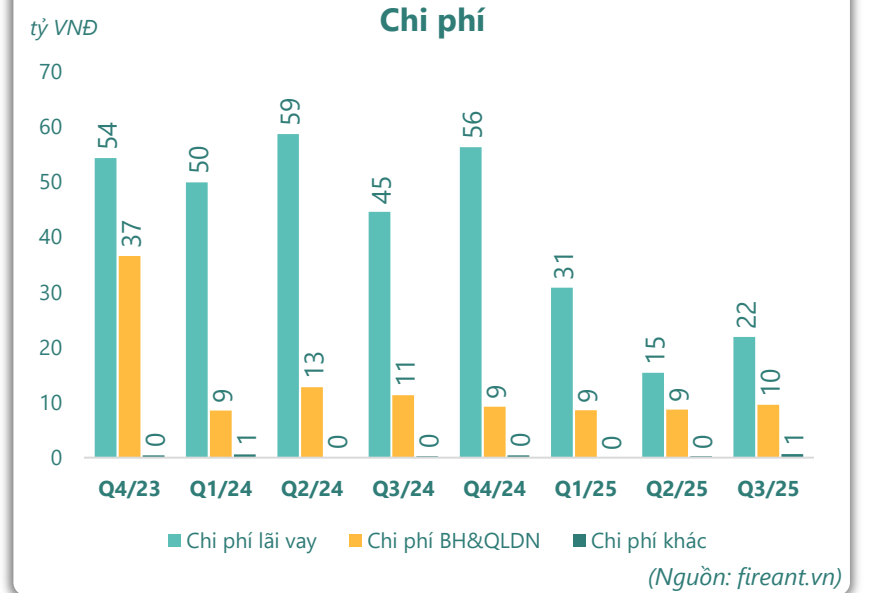
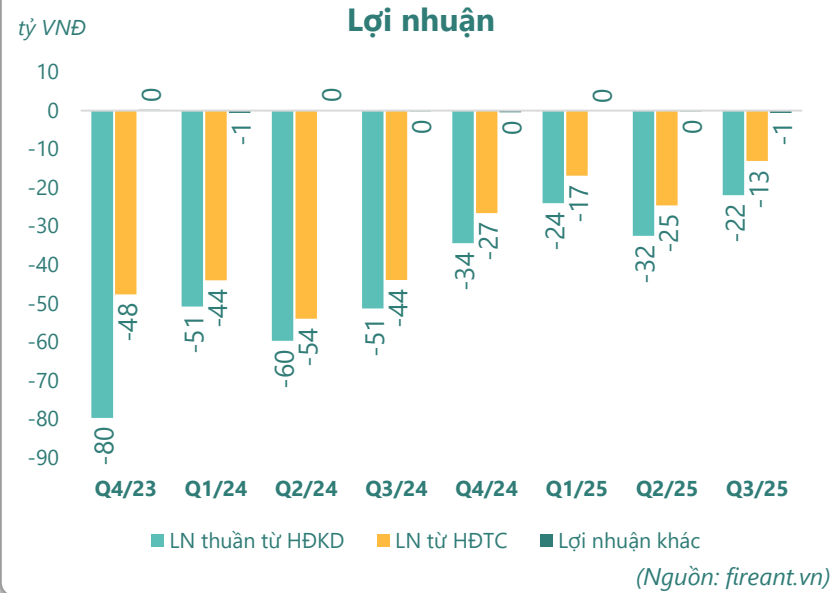
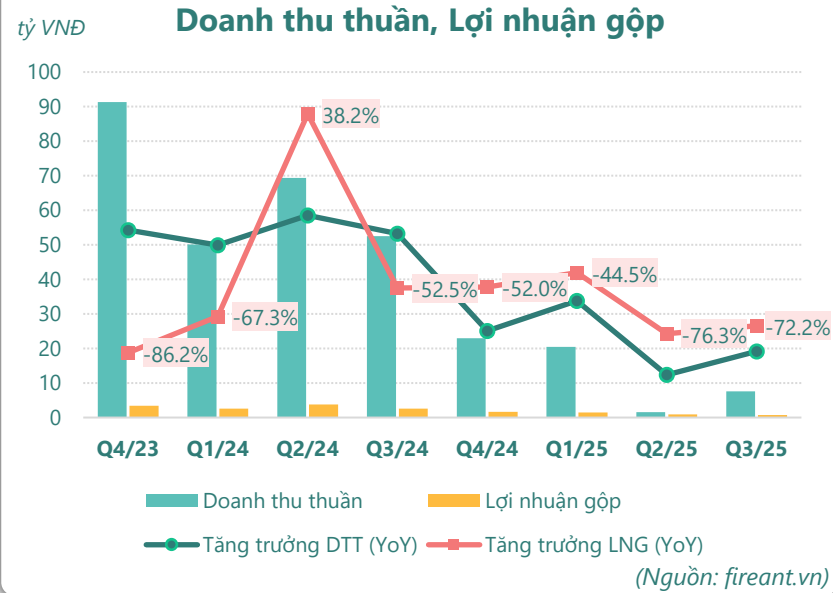
DT thuần 9T 2025
29.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼142 -82.8%

LN thuần 9T 2025
-78.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 83.6 51.6%

LN sau thuế 9T 2025
-79.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 82.2 50.6%



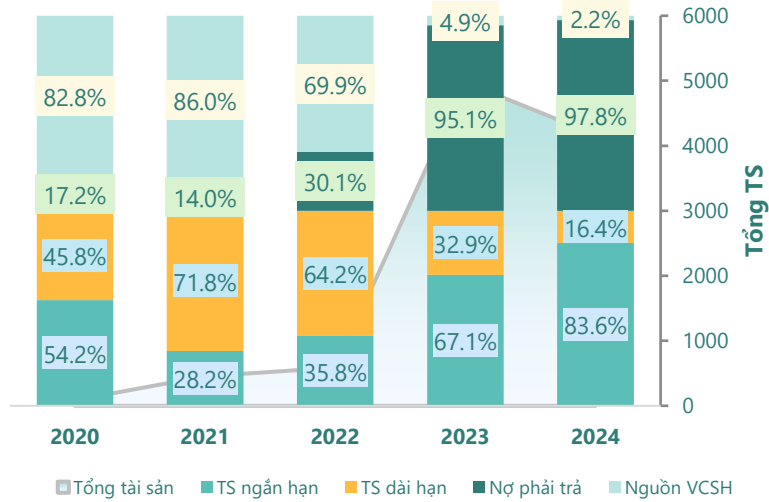
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

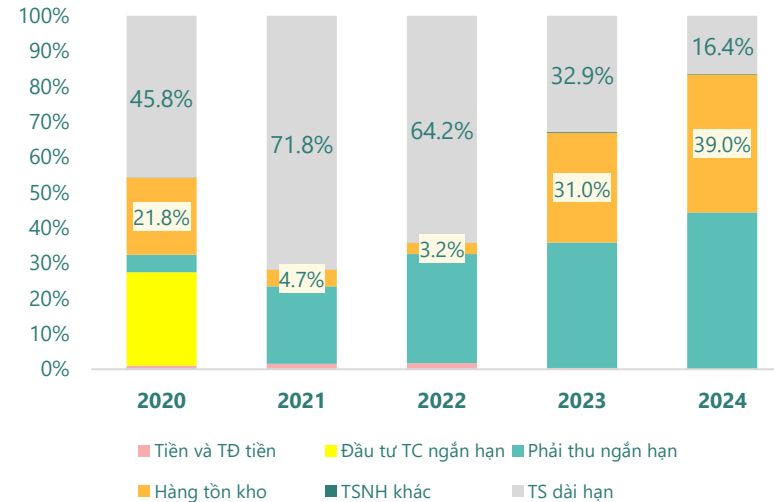
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

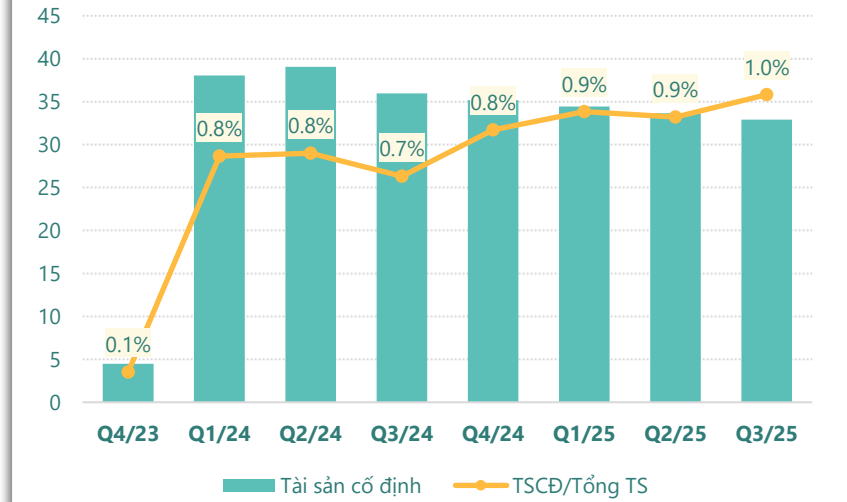
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

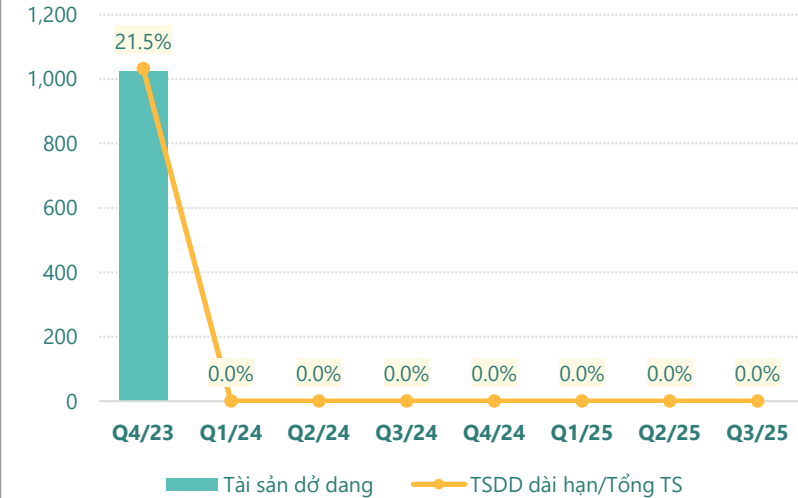
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

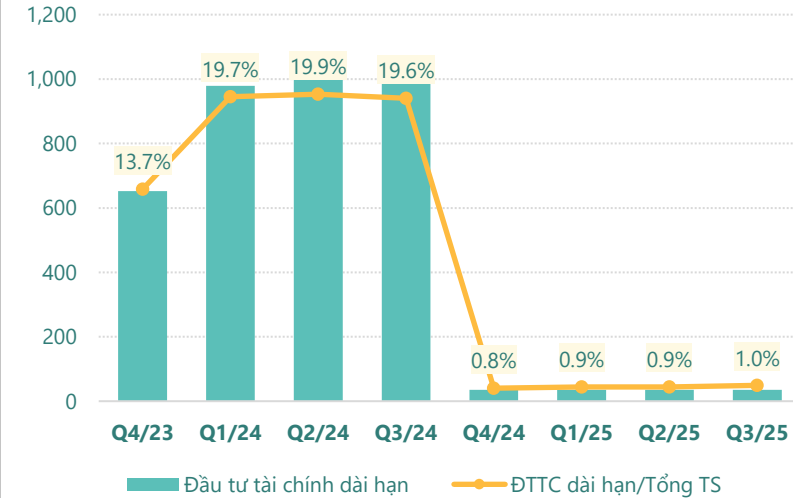
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

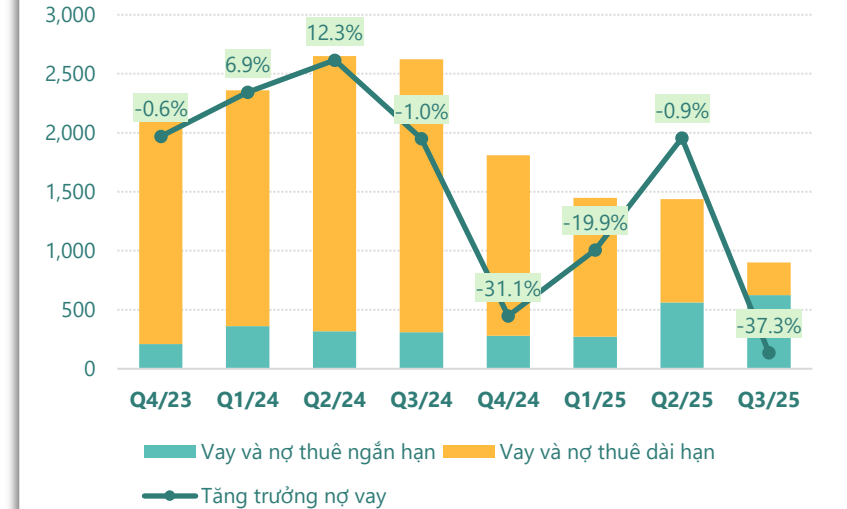
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

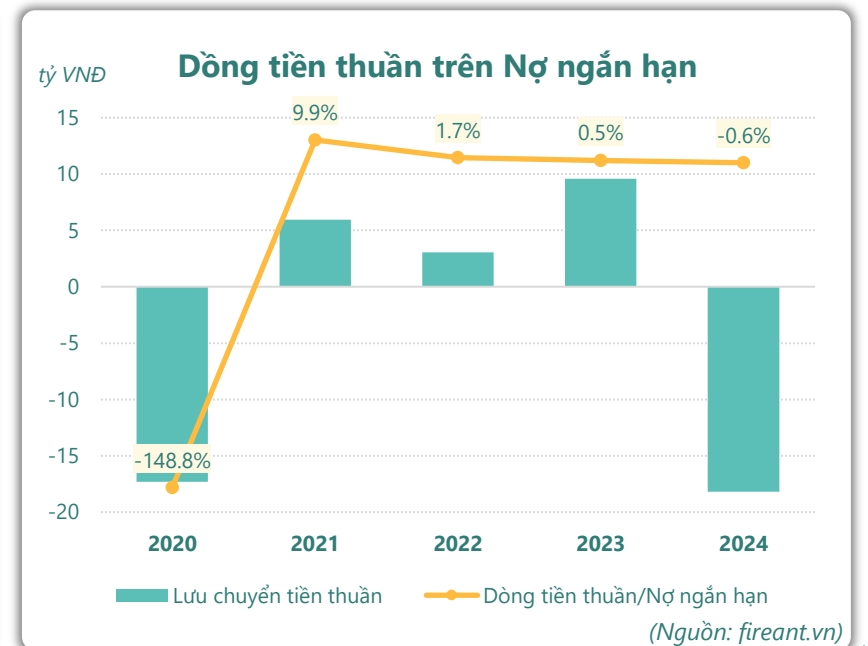
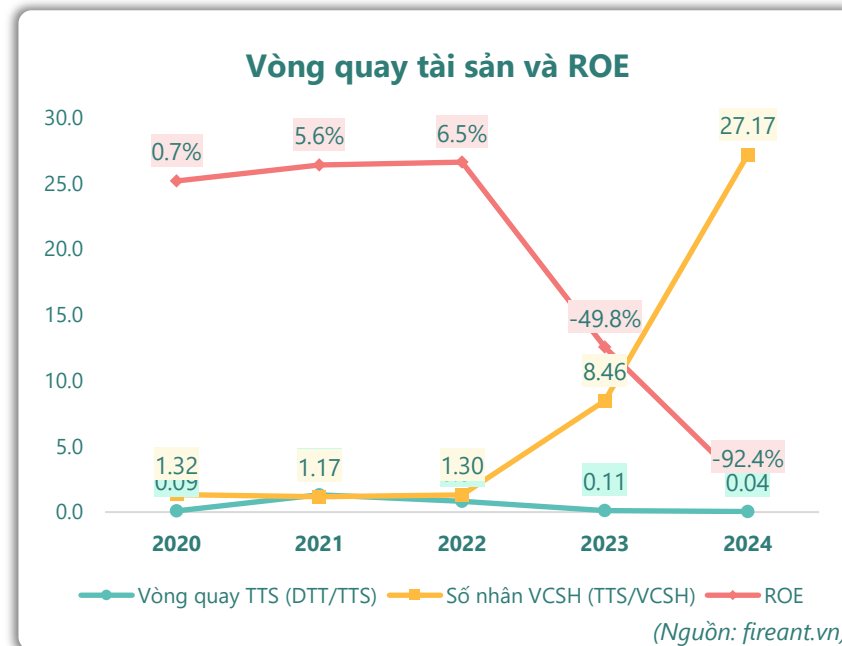
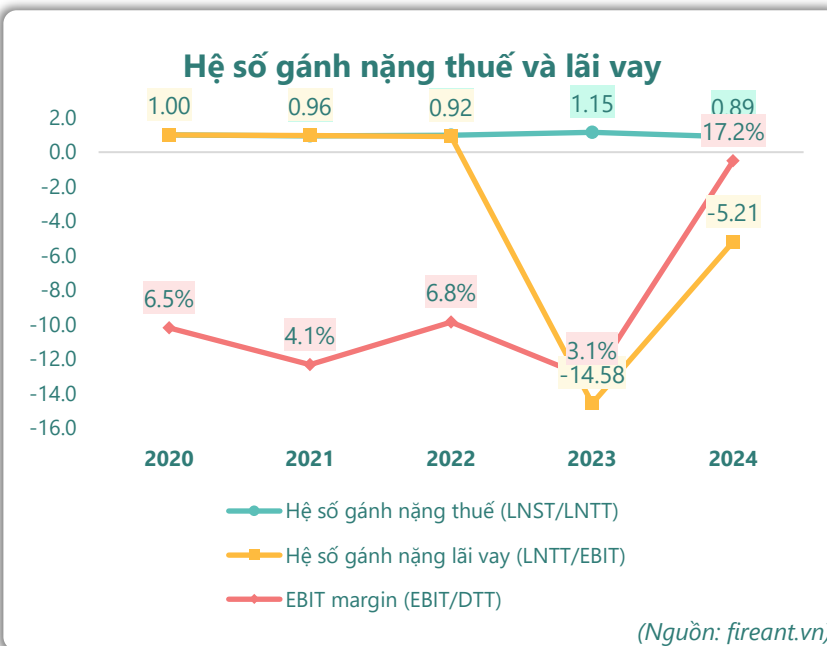
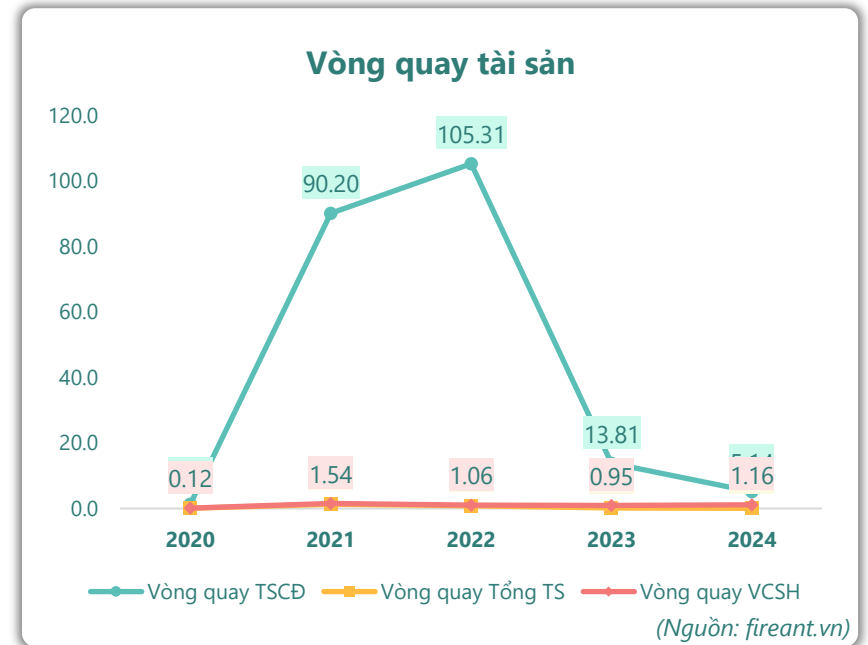
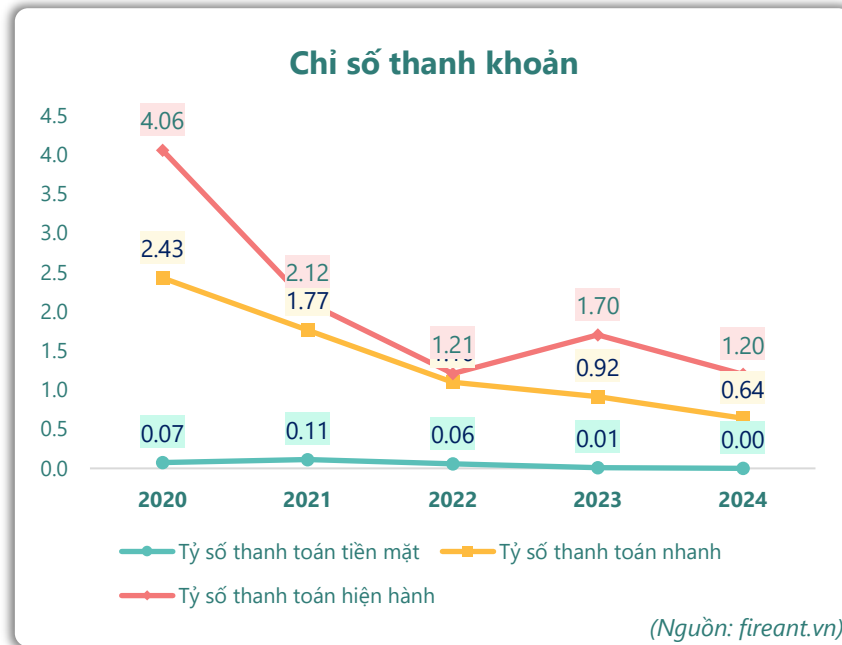
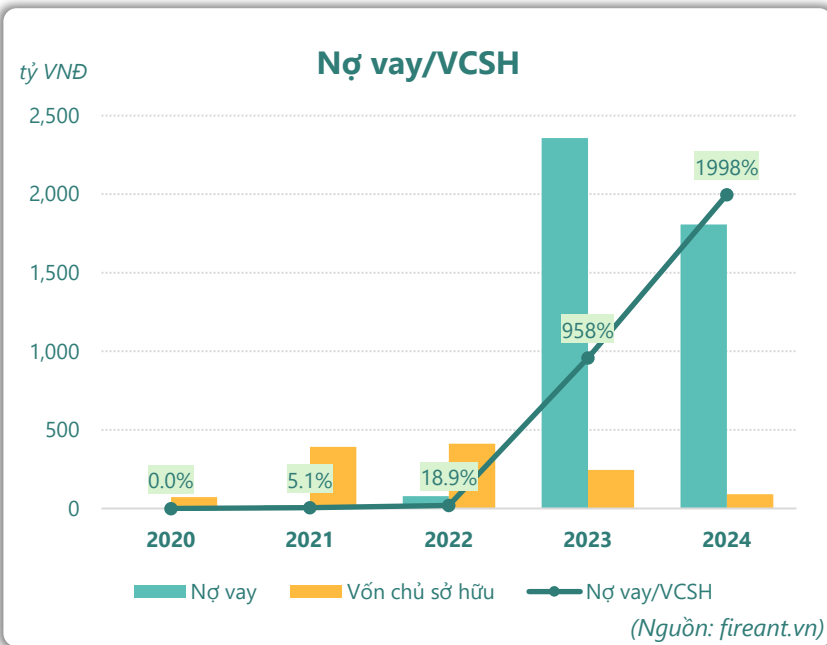
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	7.59	52.5	-85.5%	29.6	172	-82.8%
Giá vốn hàng bán	6.88	49.9	-86.2%	26.5	163	-83.7%
Lợi nhuận gộp	0.71	2.56	-72.2%	3.04	8.93	-65.9%
Doanh thu HĐTC	7.88	11.0	-28.4%	22.8	33.2	-31.3%
Chi phí TC	20.9	54.9	-61.9%	77.3	175	-55.8%
Chi phí lãi vay	21.9	44.6	-50.8%	68.2	153	-55.5%
LN trong công ty LKLD	0	1.34	-100%	0	3.74	-100%
Chi phí bán hàng	0.08	0.07	18.5%	0.25	0.32	-20.8%
Chi phí QLDN	9.50	11.2	-15.2%	26.7	32.3	-17.5%
LN thuần từ HĐKD	-21.9	-51.3	57.3%	-78.4	-162	51.6%
Lợi nhuận khác	-0.57	-0.20	-184%	-0.79	-0.70	-13.0%
LN trước thuế	-22.5	-51.5	56.4%	-79.1	-163	51.3%
Lợi nhuận sau thuế	-22.4	-51.2	56.3%	-79.8	-162	50.6%
LNST của CĐ cty mẹ	-22.4	-51.2	56.3%	-79.8	-162	50.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.15	-272	14.7	10.4	-3.06	165
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.01	1.63	1,081	0.51	0.42	342
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.2	276	-1,106	-7.03	0.67	-505
Tiền đầu kỳ	8.97	4.92	11.1	1.31	5.16	3.13
Lưu chuyển tiền thuần	-4.05	6.20	-9.81	3.85	-1.97	1.32
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.92	11.1	1.31	5.16	3.13	4.45

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,445	4,170	-17.4%
Tài sản ngắn hạn	2,748	3,485	-21.2%
Tiền và tương đương tiền	4.45	1.25	257%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.29	0.29	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,054	1,848	-43.0%
Hàng tồn kho	1,674	1,628	2.8%
Tài sản ngắn hạn khác	15.9	7.76	105%
Tài sản dài hạn	697	684	1.8%
Phải thu dài hạn	156	145	7.9%
Tài sản cố định	32.9	35.2	-6.5%
Bất động sản đầu tư	9.59	10.3	-6.9%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	35.0	35.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	334	318	5.3%
Lợi thế thương mại	129	141	-8.9%
Nợ phải trả	3,434	4,079	-15.8%
Nợ ngắn hạn	2,932	2,905	0.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	625	934	-33.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	123	153	-20.0%
Nợ dài hạn	502	1,174	-57.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	276	874	-68.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	10.7	90.5	-88.1%
Vốn chủ sở hữu	10.7	90.5	-88.1%
Vốn điều lệ	380	380	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

